

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU PHÚ  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 241/2020/DS-ST

Ngày: 30 - 11 - 2020.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hoàng Vũ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**1. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn;**

**2. Bà Phan Thị Phụng.**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:** Không.

Ngày 31 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: **216/2020/TLST/DS ngày 05 tháng 09 năm 2020** về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 342/2020/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Kim Ph, sinh năm 1957; Địa chỉ: Tổ 08, ấp VQ xã VTT, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, có đơn xin vắng mặt.

*Bị đơn:*

1. Ông Thái Văn M, sinh năm 1971, có đơn xin vắng mặt;

2. Bà Lê Thị Q, sinh năm 1982, có đơn xin vắng mặt;

Cùng nơi cư trú: Tổ 03, ấp VQ, xã VTT, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 8 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Kim Ph trình bày:**

Ngày 10/6/2018, ông M, bà Q có đến nhà bà vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 02%/tháng, có làm biên nhận ngày 10/6/2018, hợp đồng vay không thời hạn, ông M là người trực tiếp nhận tiền vay, mục đích vay tiền để sử dụng chi tiêu trong gia đình, chữ ký trong biên nhận là do ông M, bà Q tự ký tên và ghi họ tên vào biên nhận, từ ngày vay đến nay ông M, bà Q không đóng lãi phần nào. Khi vay ông M bà Q có thể chấp cho bà 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03760/gF do Ủy ban nhân dân huyện

Châu Phú cấp ngày 31/5/2002 cho ông Thái Văn M đứng tên. Đến nay hết hạn hợp đồng đã lâu mà ông M bà Q vẫn chưa trả. Nay bà khởi kiện yêu cầu ông M bà Q trả 10.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi kể từ ngày 10/6/2018 cho đến khi trả dứt nợ.

Tờ trường trình ngày 03/11/2020, bà Ph trình bày bà sẽ trả 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03760/gF do Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú cấp ngày 31/5/2002 cho ông Thái Văn M đứng tên cho ông M, bà Q khi ông M, bà Q trả hết nợ.

Tại biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 03/11/2020, nguyên đơn bà Ph yêu cầu ông M bà Q trả số tiền vốn vay 10.000.000 đồng và tiền lãi bà Ph chỉ yêu cầu ông M, bà Q trả 1.000.000 đồng. Bị đơn ông M thừa nhận có thiếu tiền vốn vay của bà Ph 10.000.000 đồng. Nay bà Ph yêu cầu trả 11.000.000 đồng (10.000.000 đồng tiền vốn vay và 1.000.000 đồng tiền lãi) ông đồng ý trả cho bà Ph 11.000.000 đồng.

Bản tự khai ngày 03/11/2020 của bị đơn bà Q thừa nhận có thiếu tiền vốn vay của bà Ph 10.000.000 đồng. Nay bà Ph yêu cầu trả 11.000.000 đồng (trong đó 10.000.000 đồng tiền vốn vay và 1.000.000 đồng tiền lãi) bà đồng ý liên đới cùng ông M trả cho bà Ph 11.000.000 đồng.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Ph yêu cầu ông M, bà Q cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà 11.000.000 đồng (trong đó 10.000.000 đồng tiền vốn vay và 1.000.000 đồng tiền lãi).

Bị đơn ông M, bà Q có đơn xin vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn có địa chỉ cư trú trên địa bàn huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông M, bà Q có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định pháp luật tại **Điều 228** và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Bà Ph khởi kiện yêu cầu ông M, bà Q trả số tiền vốn vay 10.000.000 đồng. Ông M, bà Q cũng thừa nhận có nợ bà Ph số tiền vay 10.000.000 đồng là phù hợp với biên nhận ngày 10/8/2018. Vậy, hợp đồng vay giữa các bên là hợp pháp được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự nên các bên phải thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án các bên thống nhất ông M bà Q còn nợ bà Ph số tiền vốn vay 10.000.000 đồng, ông M, bà Q đồng ý trả cho bà Ph 10.000.000 đồng tiền vốn vay.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu

bị đơn phải trả nợ là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật tại Điều 466 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi: Tại đơn khởi kiện bà Ph yêu cầu ông M, bà Q trả tiền lãi kể từ ngày 10/6/2018 cho đến khi trả dứt nợ. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải ngày 03/11/2022 bà Ph chỉ yêu cầu ông M, bà Q trả 1.000.000 đồng tiền lãi và ông M, bà Q cũng thống nhất với yêu cầu của bà Ph chỉ trả 1.000.000 đồng tiền lãi. Sự thỏa thuận này là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn theo quy định pháp luật tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Ông M, bà Q có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Ph 1.000.000 đồng tiền lãi.

Tổng cộng tiền vốn vay và tiền lãi ông M, bà Q phải trả cho bà Ph là 11.000.000 đồng (trong đó, vốn vay 10.000.000 đồng, tiền lãi 1.000.000 đồng).

[2.3] Khi vay ông M, bà Q có thể chấp cho bà Ph 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03760/gF do Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú cấp ngày 31/5/2002 do ông Thái Văn M đứng tên. Tuy nhiên, giữa ông M, bà Q với bà Ph không thực hiện giao dịch bảo đảm là không phù hợp quy định tại Điều 4 Nghị định về đăng ký biện pháp bảo đảm số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017. Do đó buộc bà Ph phải trả lại cho ông M, bà Q 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03760/gF do Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú cấp ngày 31/5/2002 cho ông Thái Văn M đứng tên

[2.4] Về án phí:

**Bà Nguyễn Kim Ph không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.**

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông M, bà Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền bị buộc thanh toán (11.000.000 đồng) là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim Ph: Buộc ông Thái Văn M và bà Lê Thị Q có nghĩa vụ liên đới trả cho Nguyễn Kim Ph số tiền vốn vay 10.000.000 đồng và tiền lãi 1.000.000 đồng. Tổng cộng là 11.000.000 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bà Nguyễn Kim Ph trả cho ông Thái Văn M 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03760/gF do Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú cấp ngày 31/5/2002 cho ông Thái Văn M đứng tên.

## 2. Về án phí:

Ông Thái Văn M và bà Lê Thị Q cùng phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Kim Ph không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.*

### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú;
- Lưu; hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Hoàng Vũ**

